TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Tiến Hùng

Bà Đoàn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *17* tháng *7* năm *2020* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *56/2020*/TLST-*HNGĐ* ngày *09* tháng 3 năm *2020* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *39/2020/*QĐXXST-HNGĐ ngày *24* tháng *6* năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Ngọc M**. Sinh năm: 1989.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4 T, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Chị **Lê Phương H**. Sinh năm: 1995.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4 T, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 06/3/2020 và bản tự khai ngày 24/3/2020, nguyên đơn anh Trần Ngọc M trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn chị Lê Phương H đăng ký kết hôn ngày 23/5/2013 tại UBND xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã N, huyện Đô Lương. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc cho đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị H không thích nghi được với văn hóa, lối sống của gia đình chồng. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng và không thể hóa giải được nên đến năm 2017, vợ chồng ly thân, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận sống từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh M yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn chị Lê Phương H;

- Con chung: có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 07/6/2013. Các con chung hiện tại đang sống với anh M. Anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Phương H không có mặt. Tại bản tự khai ngày 20/3/2020, chị H đồng ý với ý kiến của anh M về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Từ năm 2015, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng. Không hóa giải được mâu thuẫn, chị H về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận sống từ đó cho đến nay. Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh M. Chị H cũng xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa do điều kiện công việc và đi lại không thuận lợi.

- Con chung: có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 07/6/2013. Con chung hiện tại đang sống với anh M. Chị H đồng ý giao 2 con chung cho anh M trực tiếp nuôi và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh, UBND xã N đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của anh M về thời gian và điều kiện kết hôn; phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho anh Trần Ngọc M ly hôn chị Lê Phương H; giao các con chung Trần Ngọc D và Trần Thị Tường V cho anh M trực tiếp nuôi, không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; không giải quyết vấn đề tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Bị đơn hiện đã cư trú tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và các đương sự có đơn thỏa thuận T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đô Lương giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không có mặt đồng thời đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét anh Trần Ngọc M và chị Lê Phương H đăng ký kết hôn ngày 23/5/2013 tại UBND xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là sự bất đồng quan điểm, đặc biệt là việc chị H không thể thích nghi được với lối sống, phong tục tập quán bên gia đình chồng nên đã ly thân. Chị H cũng thừa nhận việc ly thân do các bất đồng quan điểm sống không thể hóa giải được. Như vậy, cả hai

vợ chồng đều vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa anh M và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh Trần Ngọc M ly hôn chị Lê Phương H.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 07/6/2013. Hiện các con chung đang ở với anh M. Các đương sự T giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho anh Trần Ngọc M ly hôn chị Lê Phương H;

- Về con chung: giao con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Thị Tường V, sinh ngày 07/6/2013 cho anh Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Người đang trông giữ con chung có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Anh M cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: anh Trần Ngọc M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí tòa án số 0005541 ngày 09/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã N;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể